TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĐ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2023/QĐST-HNGĐ	*NĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Việt N, sinh năm: 1990.

Nơi thường trú: Xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tr, sinh năm: 1988.

Nơi thường trú: Xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông H Minh T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Người được ủy quyền lại: Ông H Lê Ngọc Tr, chức vụ: Phó Giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 31/UQ-NHCS, ngày 30/6/2023); Địa chỉ Phòng giao dịch tại huyện NĐ: Tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đoàn Thị Việt N, sinh năm: 1990 và anh Nguyễn Tr, sinh năm: 1988.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Đoàn Thị Việt N và anh Nguyễn Tr đã thỏa thuận với nhau là giao cháu Nguyễn Đăng L, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2016 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2019 cho chị Đoàn Thị Việt N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn

Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Việt N và anh Nguyễn Tr thống nhất khai là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, chị Đoàn Thị Việt N và anh Nguyễn Tr thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận: Tính từ ngày 12/7/2023 chị Đoàn Thị Việt N và anh Nguyễn Tr có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế 02 khế ước, số dư nợ còn lại 48.000.000 đồng, nợ lãi: 0 đồng. Chị Đoàn Thị Việt N có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền gốc còn lại là 48.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/7/2023 trở về sau cho đến khi thanh toán hết số nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Việt N và anh Nguyễn Tr đã tự nguyện thoả thuận với nhau là chị N phải chịu nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002683 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả số tiền chênh lệch tạm ứng án phí cho chị Đoàn Thị Việt N là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); Chị Đoàn Thị Việt N và anh Nguyễn Tr không phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã Thượng Quảng, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
(Đăng ký kết hôn ngày 22/4/2015)
- Đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh